

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/DSST

Ngày: 29/10/2018

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Y Míp Niê.

2/ Bà Nguyễn Thị Chinh.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Tuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Giản Thị Chung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16/10/2018 và ngày 29/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 69/2018/TLST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2018/QĐXXST-DS ngày 02/10/2018 và thông báo mở phiên tòa số 06/TB-TA ngày 23/10/2018 giữa:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Lê H, bà Ngô Thị Ngọc L.

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện K, tỉnh Đ.

Người đại diện được ủy quyền của nguyên đơn: Chị Quang Thị Mỹ L.

Địa chỉ: Thôn X, xã P, K, tỉnh Đ. (Có mặt).

- ***Đồng bị đơn:*** Ông Ngô P, bà Nguyễn Thị Thu H (Nguyễn Thị T), anh Ngô Thừa S.

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện K, tỉnh Đ. (Đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2018, bản tự khai và các biên bản hoà giải tại tòa cùng các tài liệu chứng cứ khác do các bên đương sự cung cấp thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn chị Quang Thị Mỹ L trình bày:

Ngày 25/7/2017 âm lịch (tức ngày 15/9/2017 dương lịch) ông Lê H, bà Ngô Thị Ngọc L có cho ông Ngô P, bà Nguyễn Thị Thu H (Nguyễn Thị T), anh Ngô Thừa S vay số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng. Thời gian trả nợ do hai bên thỏa thuận cụ thể: Ngày 25/12/2017 âm lịch trả 100.000.000 đồng + lãi suất, ngày 25/12/2018 âm lịch trả số tiền gốc 200.000.000 đồng + lãi suất. Khi vay, hai bên có tiền hành lập văn

bản và ông P, bà H, anh S có ký xác nhận nợ, đồng thời hai bên còn thỏa thuận thêm nếu gia đình ông P có ý định thanh lý đất đai thì ông H, bà L có quyền đòi số tiền gốc trước thời hạn.

Ngoài ra trong khoảng thời gian từ năm 2016 - 2017 bà H có chơi huê với bà L và còn nợ lại bà L số tiền 37.500.000 đồng nên trong ngày 25/12/2017 âm lịch, bà H đồng ý viết giấy nợ tiền số tiền 37.500.000 đồng, nhưng nhầm lẫn nên bà H có viết dư một số "0". Sau đó bà L có cho bà H vay thêm 10.000.000 đồng, hẹn đến ngày 25/12/2017 âm lịch sẽ trả và bà L đồng ý không tính lãi. Đến ngày 25/12/2017 âm lịch, nhưng bà H, ông P và anh S không trả số tiền nợ 147.500.000 đồng + lãi suất theo thỏa thuận cho ông H, bà L và cũng không có ý định thanh lý đất đai. Do đó ông H, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông P, bà H và anh S cùng có nghĩa vụ trả hết số tiền nợ 300.000.000 đồng và lãi suất 2%/tháng và số tiền 47.500.000 đồng không tính lãi.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đồng ý tính lãi suất 1,66%/tháng.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Bị đơn ông Ngô P, bà Nguyễn Thị Thu H và anh Ngô Thừa S trình bày:

Ngày 25/7/2017 âm lịch (tức ngày 15/9/2017 dương lịch) ông Lê H, bà Ngô Thị Ngọc L có cho ông Ngô P, bà Nguyễn Thị Thu H (Nguyễn Thị T), anh Ngô Thừa S vay số tiền 300.00.000 đồng, lãi suất 2%/tháng. Trả làm 02 đợt cụ thể: Ngày 25/12/2017 âm lịch trả 100.000.000 đồng + lãi suất, ngày 25/12/2018 âm lịch trả số tiền gốc 200.000.000 đồng + lãi suất. Khi vay, hai bên có tiến hành lập văn bản và ông P, bà H, anh S có ký xác nhận nợ và hai bên còn thỏa thuận thêm nếu gia đình ông P có ý định thanh lý đất đai thì ông H, bà L có quyền đòi số tiền gốc trước thời hạn. Ngoài ra bà H còn nợ bà L, ông H số tiền 37.500.000 đồng tiền huê, sau đó bà L, ông H cho vay thêm 10.000.000 đồng nên bà H có viết giấy nợ số tiền 37.500.000 đồng, hẹn đến ngày 25/12/2017 âm lịch sẽ trả, hai bên thỏa thuận không tính lãi, nhưng nhầm lẫn nên bà H có viết dư một số "0". Bà H xác nhận tiền huê còn nợ lại chỉ là 37.500.000 đồng.

Đến hạn trả số tiền nợ 147.500.000 đồng + lãi suất nhưng do gia đình khó khăn nên chưa trả được, do đó ông H, bà L khởi kiện ra Tòa yêu cầu Tòa án giải quyết buộc gia đình chúng tôi phải trả hết số tiền nợ là 300.000.000 đồng + lãi suất 2%/tháng và số tiền 47.500.000 đồng không tính lãi. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của ông H, bà L đồng ý tính lãi suất 1.66%/tháng thì ông P, bà H, anh S đồng ý trả 100.000.000 đồng + lãi suất 1,66%/tháng kể từ ngày vay cho đến nay và trả số tiền 47.500.000 đồng không tính lãi.

Đối với số nợ 200.000.000 đồng + lãi suất do chưa đến hạn thanh toán và hiện gia đình ông P, bà H, anh S đang sinh sống ổn định, không có ý định bán tài sản hay thanh lý đất đai gì nên không đồng ý trả trong vụ án này.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, thu thập chứng cứ của vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết đã thực hiện đầy đủ và đúng các trình tự theo quy định pháp luật; xác định đầy đủ, đúng tư cách những người tham gia tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những

người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ, nghiêm túc theo đúng trình tự mà Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung vụ án: Xét thấy nội dung khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận một phần nên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa thì việc hai bên ký kết hợp đồng vay tài sản cụ thể:

- Về hình thức: Hai bên đã ký kết với nhau hợp đồng vay tiền đề ngày 25/7/2017 âm lịch tức ngày 15/9/2017 dương lịch, số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng. Thời gian trả nợ thỏa thuận 02 lần, lần 1: Ngày 25/12/2017 âm lịch trả 100.000.000 đồng + lãi suất; lần thứ 2: Ngày 25/12/2018 âm lịch trả 200.000.000 đồng + lãi suất và thỏa thuận thêm nếu gia đình ông P, bà và anh S có ý định thanh lý đất đai thì ông H, bà L có quyền đòi số tiền gốc trước thời hạn. Ngoài ra bà H viết giấy xác nhận nợ cho bà L số tiền 47.500.000 đồng

Như vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 119 Bộ Luật Dân sự năm 2015, hai bên đã tuân thủ đúng quy định pháp luật về hình thức hợp đồng.

- Về nội dung: Chủ thể giao kết hợp đồng là ông Lê H, bà Ngô Thị Ngọc L (bên cho vay) và ông Ngô P, bà Nguyễn Thị Thu H và anh Ngô Thừa S (bên vay) đều là những cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi để giao kết hợp đồng. Khi ký kết hợp đồng, các bên đều hoàn toàn tự nguyện. Khi cho vay tiền giữa các bên có thỏa thuận thời ông P, bà H, anh S phải thanh toán tiền cho bà L, ông H, trong trường hợp ông P, bà H và anh S có ý định thanh lý đất đai thì ông H, bà L có quyền đòi lại số nợ trước hạn.

Đến nay, đối với số nợ gốc 147.500.000 đồng, mặc dù đã quá hạn thanh toán (ngày 25/12/2017 âm lịch tức ngày 10/02/2018 dương lịch) và phía bà L, ông H đã nhắc nhở nhiều lần nhưng phía ông P, bà H, anh S không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc đã vay cho bà L, ông H. Như vậy, ông P, bà H và anh S đã vi phạm về nghĩa vụ trả nợ đối với bà L, ông H theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

Đối với số nợ 200.000.000 đồng. Khi vay các bên đã thỏa thuận thời gian thanh toán là ngày 25/12/2018 âm lịch, tức ngày 30/01/2019. Ngoài ra hai bên còn có thỏa thuận ông nếu ông P, bà H và anh S có ý định thanh lý đất đai thì ông H, bà L có quyền đòi lại số nợ gốc chưa đến hạn. Tuy nhiên tính tới thời điểm khởi kiện (ngày 15/5/2018) thì số nợ 200.000.000 đồng chưa đến thời hạn thanh toán và ông P, bà H và anh S vẫn đang sinh sống tại địa phương, không có ý định bán đất để thanh toán nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông P, bà H và anh S đều không đồng

ý thanh toán số nợ 200.000.000 đồng vì chưa đến hạn thanh toán. Căn cứ vào khoản 3 Điều 465 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì ông Hoài, bà Lệ chưa có đủ điều kiện khởi kiện yêu cầu ông P, bà H, anh S trả lại là số tiền 200.000.000 đồng trước thời hạn.

Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần buộc vợ chồng ông P, bà H, anh S thực hiện đúng theo thỏa thuận của hợp đồng, giao cho bà L, ông H số tiền gốc đã vay là 147.500.000 đồng và cần đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số nợ 200.000.000 đồng do chưa có đủ điều kiện khởi kiện.

Về lãi suất: Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 2%/tháng đối với số tiền vay 100.000.000 đồng kể từ ngày vay (ngày 15/9/2017) đến ngày xét xử, không yêu cầu tính lãi suất đối với số nợ 47.500.000 đồng. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý tính lãi số tiền 100.000.000 đồng với mức 1,66%/tháng và bị đơn đồng ý nên cần chấp nhận buộc ông P, bà H, anh S cùng có nghĩa vụ trả số tiền lãi cho bà L, ông H như sau:

$100.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 13 \text{ tháng} 14 \text{ ngày} = 22.354.666 \text{ đồng}.$

[3] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về án phí: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần được chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được trả lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 144; Điều 184; khoản 1 Điều 192; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 463, khoản 3 Điều 465, Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Luật án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê H, bà Ngô Thị Ngọc L.

Buộc ông Ngô P, bà Nguyễn Thị Thu H (Nguyễn Thị T), anh Ngô Thừa S phải thanh toán cho ông Lê H, bà Ngô Thị Ngọc L số tiền 169.854.667 đồng.

Trong đó tiền gốc: 147.500.000 đồng và tiền lãi phát sinh: 22.354.666 đồng.

Áp dụng Điều 357 BLDS để tính lãi suất chậm thi hành án khi đương sự có đơn yêu cầu.

[2] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số nợ 200.000.000 đồng do chưa có đủ điều kiện khởi kiện.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ngô P, bà Nguyễn Thị Thu H (Nguyễn Thị T), anh Ngô Thừa S phải nộp 8.492.733 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho ông Lê H, bà Ngô Thị Ngọc L số tiền 9.887.500 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2017/0002614 ngày 22/5/2018.

[4] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quyết định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- THADS huyện Krông Năng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Thu Trang

